

VỀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHỦ QUYỀN CỦA VUA GIA LONG TRÊN VÙNG BIỂN ĐẢO TÂY NAM



Miếu thờ và giếng nước vua Gia Long ở bến Mũi Ông Đội, Cây Dừa, An Thới (Phú Quốc). Ảnh: NQN

NGUYỄN QUANG NGỌC*

1. TÍNH CHÍNH DANH VƯƠNG VỊ VÀ CHÍNH QUYỀN NGUYỄN ÁNH TRƯỚC NĂM 1802

Vua Gia Long tên thật là Nguyễn Phúc Ánh (Nguyễn Ánh), là con thứ 3 của Hưng tổ Hiếu Khang hoàng đế, sinh năm Nhâm Ngọ (1762), sớm nổi tiếng là người thông minh, hiếu nghĩa. Lên 4 tuổi, được “vua Duệ Tông (Nguyễn Phúc Thuần) rất quý trọng, cho ở trong cung”. Năm Giáp Ngọ (1773), 13 tuổi theo vua Duệ Tông vào Quảng Nam và năm sau, năm Ất Mùi (1774) 14 tuổi vào Gia Định “được trao chức Chương sự, coi quân Tả dực. Mỗi khi có việc quân, Duệ Tông cùng với vua bàn tính, nhiều điều rất đúng, các tướng đều tâm phục”⁽¹⁾.

Tháng 9 năm Đinh Dậu (1777) Tây Sơn tập trung lực lượng tấn công vào Gia Định, chúa Nguyễn không chống cự nổi, phải bỏ chạy vào Long Xuyên (thuộc vùng Hà Tiên khi đó), rồi cả Tân Chính vương Nguyễn Phúc Dương và Thái Thượng vương Nguyễn Phúc Thuần đều bị chết, chỉ còn một mình Nguyễn Ánh chạy thoát và trở thành người đại diện duy nhất còn lại của chính quyền chúa Nguyễn ở

Đàng Trong.

Đoàn quân Tây Sơn do Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ chỉ huy đánh bại chúa Nguyễn, tuy không bắt được Nguyễn Ánh, sau đó đã rút về Quy Nhơn, chỉ để lại một bộ phận nhỏ do Tổng đốc Chu, Hồ tướng Hãn, Tư khấu Oai, Điều khiển Hòa, Cai cơ Chấn, chia giữ các dinh ở Gia Định⁽²⁾. Như thế, mặc dù giành được chiến thắng, nhưng quân Tây Sơn không quan tâm củng cố, xây dựng lực lượng và nhất là không thành lập chính quyền ở vùng đất Nam bộ. Nhân cơ hội đó, chỉ 1 tháng sau, Nguyễn Ánh lại từ đảo Thổ Châu vượt biển tiến về “cử binh ở Long Xuyên” tiến đến Sa Đéc “nhóm họp nghĩa dũng”. Tháng 11 tiến đánh dinh Long Hồ (Vĩnh Long) và tháng 12 “tiến đánh được Sài Gòn” để đến đầu năm 1778, khi mới 17 tuổi, được suy tôn lên thay Tân Chính vương Nguyễn Phúc Dương, nắm giữ chính quyền của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Sách *Đại Nam thực lục* xác nhận: Năm Mậu Tuất (1778), “mùa xuân tháng giêng, vua đóng ở Sài Gòn, Đỗ Thanh Nhân cùng các tướng tôn vua lên làm Đại Nguyên soái, quyền coi việc nước”⁽³⁾.

Phong trào Tây Sơn lúc này đang phát triển rất mạnh. Nguyễn Nhạc vẫn nắm giữ vai trò của bậc huynh trưởng ở vị trí trung tâm. Tháng 6 (nhuận) năm Mậu Tuất (1778)

2. HOẠT ĐỘNG CỦA VUA GIA LONG TRÊN VÙNG BIỂN ĐẢO TÂY NAM (1777- 1782)

Quy Nhơn, ông lên ngôi Hoàng đế (Trung ương Hoàng đế) đặt niên hiệu là Thái Đức, nhưng trên thực tế chỉ cai quản vùng đất từ Quảng Nam đến Bình Thuận, mà không định mở rộng quyền thống trị ra cả nước. Nguyễn Huệ đó cũng chỉ được phong là Bắc Bình Vương cai quản vùng phía từ Phú Xuân đổ ra Bắc. Nguyễn Lữ được phong là Đông Định Vương cai quản đất Gia Định, nhưng quyền của Đông Định Vương ra đời sau chính quyền của Nguyễn Ánh, hoàn toàn chỉ là hình thức và tồn tại trong thời gian rất ngắn (khoảng 1 năm). Trong khi đó sau khi trở thành đại diện chính thức của chính quyền của Nguyễn ở Đàng Trong, Nguyễn Ánh đẩy mạnh hoạt động xây dựng lực lượng, xây dựng chính quyền “vạch mặt cương giới, bỏ chín khổ trường, sai các dinh chăm sóc lệ cũ thuế điền thổ mà chừa lại cho cân bằng”⁽⁴⁾, thể hiện đầy đủ tư cách của một vị quân vương đang thực thi quyền làm chủ đất nước.

Năm Canh Tý (1780), “Mùa xuân, tháng giêng, ngày Quý Mão, vua lên ngôi vương. Khi vua mới quyền coi quốc gia, quân thần đều khuyên lên ngôi. Vua cho rằng thù chưa trả xong, nhún nhường không chịu, quân thần ba lần nài xin, vua mới theo, lên ngôi vương ở Sài Gòn. Như xưa đưa xuống gọi là chỉ truyền, sai phái gọi là chỉ sai, ngày ấy Đại Việt quốc Nguyễn chúa Vĩnh trấn chi bảo (ấn chỉ) Hiến Tông Hiếu minh hoàng đế chế, nay dùng làm báu truyền ngôi), nhưng vẫn theo niên hiệu nhà Lê; chương của quân thần đều xưng là bầm”⁽⁵⁾. Như thế, năm 1780 Nguyễn Ánh chính thức trở thành vua của Đại Việt, tiếp nối ngôi “vương” của các chúa Nguyễn giữ niên hiệu của vua Lê Cảnh Hưng. Mặc dù các nghiên cứu đời sau đều thống nhất phê phán các chúa Nguyễn Phúc Thuần, Nguyễn Phúc Dương là hèn kém, bạc nhược, đã đẩy ngai vàng chúa Nguyễn rơi vào tình trạng đảo lộn. Thế nhưng trên thực tế phong trào Tây Sơn vẫn chưa đủ sức đánh đổ hoàn toàn chính quyền chúa Nguyễn và thay thế bằng một chính quyền mới. Trái lại, Nguyễn Ánh dù đang còn rất trẻ đã nổi lên như cứu cánh nhất có đủ khả năng phục hưng cơ nghiệp của chúa Nguyễn đang đứng trước nguy cơ đổ sụp. Người đương thời (mà trước hết là người dân Nam bộ) yêu quý ông, tin tưởng và ủng hộ ông hết lòng chủ yếu là ở tinh thần trọng vị trí người đứng đầu chính quyền mà ông tái lập từ năm 1778, cũng như trong các hoạt động mang lại lợi ích cho người dân Nam bộ.

Chính quyền của Nguyễn Ánh ra đời trong bối cảnh hỗn loạn và xã hội vô cùng phức tạp, bản thân Nguyễn Ánh và triều đình phải long đong lạt đật chạy đi chạy lại không chốn cùng nơi ở Nam bộ để duy trì sự sống còn, nên Nguyễn Ánh thực sự tin dân và nhờ có dân Nam bộ giúp đỡ che chở mà ông mới có thể bảo toàn được tính mạng và nên công danh sự nghiệp. Tên ông được dân gian Nam bộ cũng có dấu chân ông. Tên ông được dân gian Nam bộ gọi là hòa thành tên đồng, tên bãi, tên xóm, tên phường, tên cồn, tên hồ, tên núi, tên sông⁽⁶⁾. Đặc biệt tên ông và những nhân thân thân cận của ông đã trở thành niềm tự hào chân chính, thành dấu mốc chủ quyền thiêng liêng trên toàn bộ vùng biển đảo Tây Nam của Tổ quốc Việt Nam.

Tháng 9 năm Đinh Dậu (1777), bị quân Tây Sơn đuổi riết ở Long Xuyên thuộc Hà Tiên, “ngày Canh Thìn, Duệ Tông bị nạn băng”, chỉ một mình Nguyễn Ánh chạy thoát được, định đang đêm vượt biển để lánh nạn. “Bỗng có con cá sấu cắn ngang mũi thuyền ba lần, bèn thôi. Sớm mai dò biết đêm ấy có thuyền giặc (thuyền quân Tây Sơn) ở phía trước. Vua bèn dời sang đóng ở đảo Thổ Châu”⁽⁷⁾.

Sử cũ chép vô cùng vắn tắt nên người đời sau không thể hình dung được chuyến chạy ra biển Tây Nam đầu tiên và định mệnh này của cậu bé 15 tuổi đã diễn ra như thế nào. May mà ký ức dân gian còn lưu lại được hình ảnh của Nguyễn Ánh khi đó: Ông không còn đường nào khác, phải trốn chạy ra Hà Tiên khi đang bị quân Tây Sơn rượt đuổi ở phía sau. Từ Hà Tiên, ông nhờ người dân chài vượt biển ra đảo Hải Tặc, rồi từ đảo Hải Tặc chạy sang Hòn Một ở phía Đông Bắc đảo Phú Quốc, điểm gần với Hà Tiên hơn cả. Khi thuyền nhỏ chở Nguyễn Ánh đến gần, bỗng 4 con rùa vàng (thần Kim Quy) nổi lên đưa ông vào bờ. Dừng chân tại Hòn Một, ông được người dân chài hỗ trợ thuyền bè, lương thực, thực phẩm và dẫn đường dời sang đảo Thổ Châu. Cần phải dựa vào những người dân chài trên hòn đảo xa xôi tận cùng trời cuối đất này thì may ra Nguyễn Ánh mới có cơ hội được cứu thoát khỏi vòng truy kích của quân Tây Sơn. Chắc hẳn đảo Thổ Châu cũng đã nằm trong tính toán của các chúa Nguyễn Phúc Thuần và Nguyễn Phúc Dương trước khi bị quân Tây Sơn bắt và hành hình, nên đến giờ phút này chỉ còn Nguyễn Ánh là người duy nhất biết và thực thi kế hoạch đó để duy trì sự tồn tại của vương triều.

Sử nhà Nguyễn từng chép vào năm 1773, khi mới 13 tuổi: “Một hôm, trong khi đi đường, chợt nghe tin giặc (quân Tây Sơn) đến. Duệ Tông bảo vua rằng: “Việc gấp rồi! cho cưỡi ngựa ngự chạy trước đi!”. Vua không chịu. Duệ Tông khóc và nói rằng: “Nay gặp bước gian truân thế này, tài ta không dẹp được loạn. Việc Miếu Xã quan hệ ở cháu, cháu còn thì nước mới còn”⁽⁸⁾. Việc Nguyễn Ánh trong giờ phút sinh tử đã quyết định chạy ra Thổ Châu, quần đảo xa nhất của Tổ quốc trên vùng biển Tây Nam là việc làm có ý nghĩa hết sức đặc biệt. Nó không chỉ xác nhận lòng tin và sự kỳ thác của chúa Nguyễn và của Nguyễn Ánh vào người dân đảo Thổ Châu, mà cũng đồng thời khẳng định ơn nghĩa và lòng trung thành tuyệt đối của những người dân chài trên vùng biển đảo Tây Nam của Tổ quốc đối với triều đình chúa Nguyễn.

Sau nhiều ngày đi lênh đênh trên biển, thuyền của Nguyễn Ánh đã cập bến Bãi Ngự trên đảo chính Thổ Châu (có thể địa danh Bãi Ngự, Bến Ngự là do dân địa phương đặt nhân có sự kiện đặc biệt này). Bãi Ngự là một thung lũng rộng, chạy sát chân núi, trên đó có một làng chài khá đông đúc của những thần dân của chúa Nguyễn từ duyên hải, hải đảo miền Trung đến định cư từ nhiều đời. Họ sinh sống và canh tác trên một di chỉ khảo cổ học rộng hàng vạn m², có niên đại tương đương với văn hóa Tiền Sa Huỳnh, cách ngày nay khoảng 3.500 năm đến 3.000 năm. Không có

tư liệu chứng minh quá trình lịch sử liên tục của chủ nhân ngôi làng cổ này, nhưng cũng có thể dự đoán quá trình di cư đều từ các vùng duyên hải và hải đảo miền Trung và những người dân chài vẫn còn giữ nguyên đạo lý “uống nước nhớ nguồn” nên vẫn giữ quan hệ thân thuộc và trách nhiệm với quê hương, bản quán. Ngay phía trên Bến Ngự có Miếu Ông, Miếu Bà là các miếu nhỏ do người Việt di cư đến làm ăn, đánh bắt cá và sinh sống trên đảo lập ra từ lâu đời. Hiện nay cả Miếu Ông và Miếu Bà được tổ hợp lại, xây dựng thành “Đền thờ Hoàng đảo Thổ Châu” ngay trên nền của Miếu Bà xưa. Cách Miếu Bà khoảng 400 m về phía tay phải là đồn Biên phòng Thổ Châu, theo truyền thuyết dân gian là nơi ở của Nguyễn Ánh trong những ngày đầu tiên đặt chân lên đảo Thổ Châu và được dân đảo Thổ Châu curu mang, che chở. Được một thời gian, khi quân Tây Sơn rút về Bắc, nhận thấy tình hình tạm yên, Nguyễn Ánh lại vượt biển vào đất liền.

Tháng 3 năm Nhâm Dần (1782) đại quân Tây Sơn gồm vài trăm chiến thuyền do Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy từ Quy Nhơn vượt biển đánh thẳng vào cửa biển Cần Giờ. Quân tướng của Nguyễn Ánh không chống cự nổi phải lui về vùng Giá Khê (Rạch Giá, Kiên Giang). Bị cả quân Tây Sơn và quân Chân Lạp phối hợp truy kích: “Vua đến Hà Tiên, đi thuyền nhỏ qua biển. Đêm tối không thấy rõ, ở gần thuyền hình như có vật gì đội, tang tảng sáng nhìn ra thì đó là một đàn rắn. Người đi theo đều lấy làm sợ. Vua cứ đi, một lát thì đàn rắn đi mất. Thuyền vua bèn đến đảo Phú Quốc”⁽⁹⁾.

Lần này thuyền của Nguyễn Ánh đi thẳng từ Rạch Giá ra Phú Quốc theo đường tương tự như đường thủy nổi hai bên tàu hiện nay. Thuyền đi vào vịnh Ông Đội, một vịnh biển khá kín quay mặt ra hướng Đông, có khe nước ngọt và tàu thuyền vẫn thường vào lấy nước, mua bán và trao đổi hàng hóa, lương thực thực phẩm. Tại đây vẫn còn lưu giữ được khá nhiều di tích và truyền thuyết về sự có mặt của vua Gia Long như đền Vua, giếng Tiên (hay còn gọi là Giếng Ngự, giếng Gia Long), dấu chân Vua, ghềnh Vua

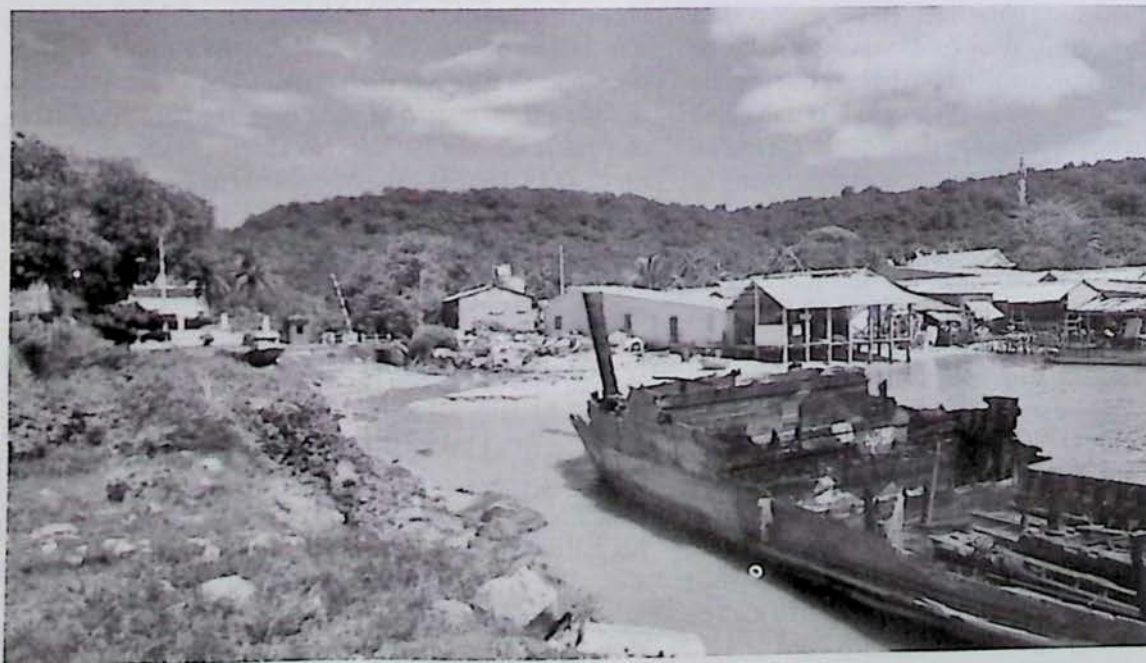
ở trên bờ vịnh Ông Đội (nay thuộc khu Premier Village Phú Quốc). Từ đây đi ngược lên trên núi là đến thượng nguồn sông Cầu Sáu, nơi từ xưa dân địa phương lập miếu nhỏ thờ vua Gia Long trên vị trí mà ông đã từng lưu lại trong chuyến ra Phú Quốc lần này. Miếu tuy nhỏ bé, đơn sơ, nhưng được người dân quanh năm hương lửa và đến nay đang được xây dựng thành đền thờ Hoàng đế Gia Long khang trang, mong sẽ trở thành trung tâm ghi dấu những hy sinh và cống hiến của ông trên thành phố Phú Quốc.

Tuy không thấy sử chép việc Nguyễn Ánh chạy ra quần đảo Nam Du (năm 1782), nhưng trên thực tế tại đảo Nam Du cũng có di tích và truyền thuyết tương tự như ở mũi Ông Đội ở Phú Quốc. Trên quần đảo cũng có địa danh Bãi Ngự là nơi vua Gia Long ghé qua và để lại các dấu tích giếng nước tương truyền vua Gia Long cho đào lấy nước ngọt phục vụ người dân đi biển (được dân gian gọi là Giếng Vua)...

Quân Tây Sơn sau cuộc tấn công chớp nhoáng, chỉ đóng lại ở Nam bộ khoảng 1 tháng. Đến tháng 5, cho là đã hoàn thành sứ mệnh đánh dẹp, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ lại kéo đại quân về Quy Nhơn, chỉ lưu tướng Đỗ Nhân Trập cùng Hộ bộ Bá (không rõ họ) chỉ huy 3.000 quân giữ Gia Định, đóng đồn ở Bến Nghé. Khoảng 3 tháng sau, vào tháng 8 năm 1782, Chu Văn Tiếp đem quân đến cứu viện, nhanh chóng đánh bại Đỗ Nhân Trập, thu hồi lại Sài Gòn. Chu Văn Tiếp sai người ra Phú Quốc báo tin thắng trận và và đón nhà vua trở lại Sài Gòn, nhưng xem ra lực lượng quân sự của Nguyễn Ánh vẫn còn mỏng, chưa đủ sức đương đầu với các cuộc tấn công của quân Tây Sơn.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA VUA GIA LONG TRÊN VÙNG BIỂN ĐẢO TÂY NAM (1783-1784)

Tháng 2 năm Quý Mão (1783), quân Tây Sơn do Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ lại từ Quy Nhơn vượt biển tiến vào cửa biển Cần Giờ, nhanh chóng đánh bại lực lượng bố phòng của Nguyễn Ánh, buộc ông phải rút lui về Mỹ Tho. Tháng



Bến Ngự (Thổ Châu), nơi vua Gia Long lần đầu tiên đặt chân đến (1777), nơi gia đình Hoàng gia nhiều năm sinh sống. Ảnh: NQN

4 năm 1783, Nguyễn Ánh từ Mỹ Tho “lấy thuyền đem Quốc mẫu và cung quyến trú ở đảo Phú Quốc”⁽¹⁰⁾.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết về đảo Phú Quốc: “Phía Tây Nam có cửa Dương làm chỗ ghe thuyền đến đậu yên ổn. Dân miền biển đến ở, lập thành làng xóm. Gần đó về phía Nam có hòn Long Trán; phía Đông Nam có hòn Dừa, phía Tây Bắc có hòn Năng Nội và hòn Năng Ngoại. Lúc đầu trung hưng, Thế tổ Cao Hoàng đế từng dừng chân ở đây, nhân dân đều giúp sức hết lòng, thắm bảo địch tình, cung cấp vật dụng, nên sau khi nước nhà đại định, được miễn sưu thuế giao dịch, cho đến ghe thuyền buôn bán hay đánh cá cũng được miễn thuế”⁽¹¹⁾. Hòn Dừa hay xứ Cây Dừa nằm sát liền mũi Ông Đội. Nơi đây từ xưa dân chài miền Trung kéo về tụ hội đông đúc, lập thành một làng lớn gọi là làng Cây Dừa (hay thôn An Hòa) chuyên đánh bắt hải sản và buôn bán. Làng Cây Dừa cũng là vị trí rất thuận lợi cho giao thông, giao thương quốc tế, nên có nhiều thuyền buôn nước ngoài cập bến trao đổi hàng hóa. Nguyễn Anh lần này đem cả mẹ cùng gia đình ra cư trú tại đây, mà dấu tích còn lại ở tổ 7, ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc hiện nay. Dân gian truyền rằng chỗ đất này là đất vua chúa, hàng năm cứ vào dịp Tết nguyên đán, từ đêm Giao thừa cho đến tối mồng 3, khắp vùng nghe rộn rã tiếng trống chiêng của gia đình hoàng gia về mừng năm mới. Tại đây, Nguyễn Ánh đã vĩnh viễn gửi lại một đứa con khi chưa tròn 3 tuổi. Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: “Mộ Hoàng tử triều trước: ở địa phận thôn An Hòa, đảo Phú Quốc. Hoàng tử tên húy là Nhật, chết yếu, táng tại đây. Năm Minh Mệnh thứ 6 (1825), Hộ bộ thiêm sự, Biện lý nội vụ phủ là Hoàng Văn Hán vâng mệnh đi sứ nước Tiêm, gặp bão, đậu thuyền ở đây, có sấm lể đến cáo yết”⁽¹²⁾. Sau khi Gia Long lên ngôi Hoàng đế đã cho chuyển hài cốt của Hoàng tử Nhật về Huế, nhưng miếu thờ Hoàng tử thì vẫn còn được lưu giữ cho đến ngày nay. Năm 2016, miếu được xây dựng mới trên nền miếu cũ (chỉ lui lại phía sau vài mét cho có không gian cúng lễ). Sự hiện diện của miếu Hoàng tử ở ấp Suối Lớn cho biết giữa nguồn thư tịch cổ với các di tích, truyền thuyết dân gian ở Phú Quốc đều thống nhất với nhau, xác nhận một thực tế là vua Gia Long và gia đình Hoàng gia đã từng đến đây sinh sống và gửi lại mồ hôi, xương máu tại làng Cây Dừa (thôn An Hòa) này.

Tại đảo Phú Quốc, Nguyễn Ánh tranh thủ tập hợp thêm lực lượng. Trên đảo hiện nay bên cạnh các di tích ở khu vực An Thới, vẫn còn nhiều di tích đóng quân của vua Gia Long ở khu Bãi Vàm (làng chài Hàm Ninh), ở vịnh biển cổ Bàu Bàng (xã Cửa Cạn)... Tại xã Cửa Cạn, ông dựa hẳn vào những dân chài người Việt từ miền Trung di cư vào để xây dựng một cơ sở hậu cần. Nhiều người dân địa phương đã đem hết của cải và lương thực ra cứu trợ, phù giúp ông.

Nhưng dường như đã rút kinh nghiệm của 2 lần trước, lần này quân Tây Sơn tập trung lực lượng đánh thẳng ra Phú Quốc. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: Tháng 6 (năm 1783) “vua đóng ở hòn Diệp Thạch [hòn Đá Chông] thuộc Phú Quốc. Thống suất giặc là Phan Tiến Thịnh thỉnh linh đem quân đến. Cai cơ Lê Phúc Điển xin mặc áo ngự mà đứng ở đầu thuyền. Giặc tranh nhau đến bắt”⁽¹³⁾. Mũi Đá Chông ở dưới chân núi Hàm Ninh nhô ra biển ở phía Đông

Bắc đảo Phú Quốc là nơi diễn ra trận kịch chiến này. Tại đây Cai cơ Lê Phúc Điển đã liều mình cứu Nguyễn Ánh thoát khỏi cái chết trong gang tấc. Ông thoát ra ngoài vòng vây và chạy thẳng đến đảo Cổ Long (Kok-rong) ở phía ngoài Phú Quốc⁽¹⁴⁾. Trong trận đánh này nhiều tướng sĩ, hoàng gia, tôn thất và nhân dân địa phương đã chiến đấu và hy sinh anh dũng, để lại tấm gương tận trung với vua, với nước, giống như anh hùng Lê Lai trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn hồi đầu thế kỷ XV.

Biết Nguyễn Ánh đã chạy ra Cổ Long (có sách chép là Côn Lôn?), tháng 7 (năm 1783), Nguyễn Huệ tức tốc sai “phò mã Trương Văn Đa đem hết thủy binh đến vây ba vòng, tình thế rất nguy cấp. Bỗng mưa gió nổi lên, bốn bề mây mù kín mít, người và thuyền cách nhau gang tấc cũng không thấy nhau. Sóng biển nổi lên dữ dội. Thuyền giặc tan vỡ chìm đắm không kể xiết. Thuyền vua bèn vượt các vòng vây, đến đậu ở hòn Cổ Cốt, rồi lại về đảo Phú Quốc. Quân lương thiếu thốn, binh sĩ đến nổi phải hái cỏ, tìm củ mà ăn. Có người đàn bà buôn bán ở Hà Tiên tên là Thị Uyên chở một thuyền gạo đến dâng. Vua khen ngợi hồi lâu. Thuyền vua gặp gió, buồm và cột buồm bị hỏng, lại có thuyền buôn đem lá buồm gởi đến dâng”⁽¹⁵⁾.

Có lần Nguyễn Ánh bị vây ráp ở cửa biển Ma Li. “Thuyền vua kéo buồm, nhằm hướng Đông mà chạy, chơi vui ngoài biển suốt 7 ngày đêm, trong thuyền quân sĩ đều khát. Vua lo lắng, ngựa mặt lên trời khẩn rằng: “Ta nếu có phận làm vua thì xin thuyền này giạt vào bờ biển để cứu lấy mạng cho cả thuyền, nếu không thì chìm đắm giữa biển cũng cam lòng”. Dứt lời thì gió yên sóng lặng, trước mũi thuyền nhìn mặt nước đen trắng hai dòng, nước trong sủi lên. Mọi người trong thuyền nếm thử thấy ngọt, kêu lớn lên rằng: “Nước ngọt. Nước ngọt!”. Do đó mọi người tranh nhau múc uống, ai nấy đỡ khát. Vua mừng rỡ sai múc 4, 5 chum, rồi nước biển lại mặn như cũ”⁽¹⁶⁾. Thật là kỳ diệu. Khi quân Tây Sơn đã rút về Quy Nhơn, thuyền của Nguyễn Ánh lại quay về Phú Quốc. Nguyễn Ánh gặp lại mẹ (Quốc mẫu) và kể lại cho mẹ nghe những câu chuyện thần kỳ trên biển. Bà hết sức tự hào và thực tin: “Con ta góc biển bên trời, trải bao gian hiểm, nhưng xem trận gió bão ở Côn Lôn, dòng nước ngọt ở ngoài biển, thì biết lòng trời, vậy con đừng lấy khó nhọc mà nản lòng”. Đây là lời dạy của Bà mẹ Việt Nam đích thực, mặc dù người con đang là một đấng quân vương. Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết thêm: “Vua đầu còn ở trong vòng mờ tối, mà những việc gió núi, nước biển, điềm ứng rất nhiều, kẻ thức giả ai cũng cho là có chân mệnh đế vương. (Khi vua ở ngoài, bữa ăn không có nhiều vị, thường dùng mắm tôm và bầy vị hồ tiêu, ớt, hồi hương, quế chi, tỏi, gừng, ô mai, tán nhỏ hòa lẫn với nhau, bữa nào cũng dùng, lại cho những người đi theo và bảo rằng: “Lam chướng ở rừng biển, ăn thức này tốt lắm; và để tỏ ta cùng các khanh tân khổ có nhau”⁽¹⁷⁾). Thời kỳ khởi lập lại vương triều, đặc biệt là những năm tháng trên vùng biển đảo Tây Nam, gian nan vất vả đến tột cùng, Nguyễn Ánh được tôi rèn về phẩm chất nhân cách, bằng mọi giá khôi phục cho bằng được vị thế của vương triều, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia lãnh thổ, dựa vào dân, khai thác triệt để sự ủng hộ của dân, thực thi một nền chính trị thân dân.

Qua lần tấn công này của quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh càng nhận thấy rõ hơn: “bốn mặt kinh đô còn nhiều đồn lũy (của Tây Sơn), mà đảo Thổ Châu và đảo Phú Quốc không chỗ nào ở yên được, vận nước ta gặp bước gian truân”⁽¹⁸⁾. Tháng 2 năm Giáp Thìn (1784), ông quyết định “rước Quốc mẫu và cung quyến xuống thuyền ra Thổ Châu để ở”⁽¹⁹⁾, còn mình sang Xiêm với kỳ vọng có thể dựa vào Xiêm để đánh bại Tây Sơn. Đây là toan tính của Nguyễn Ánh, có thể phù hợp với lợi ích của cá nhân, dòng họ tôn thất và vương triều mà ông là đại diện, nhưng lại không phù hợp với lợi ích của quốc gia dân tộc khi triều đình Rama I lợi dụng danh nghĩa “phù giúp” để tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo, vô nhân tính. Ngay từ khi trận Rạch Gầm - Xoài Mút chưa diễn ra, Nguyễn Ánh đã vô cùng chua xót nhận ra sự thực phũ phàng này: “Vua thấy quân Xiêm tàn bạo, đến đâu là cướp bóc đày, nhân dân ta oán rất nhiều, bảo các tướng rằng: “Muốn được nước phải được lòng dân. Nay Chu Văn Tiếp đã mất, quân Xiêm không ai chế ngự được. Nếu được Gia Định mà mất lòng dân thì ta cũng không nở làm. Thà hãy lui quân để đừng làm khổ nhân dân”⁽²⁰⁾. Đành rằng đã quá muộn, nhưng muộn còn hơn không, khi Nguyễn Ánh mới 22 tuổi đời, đang còn rất trẻ và còn đủ thời gian và sức lực để sửa chữa sai lầm vô cùng nguy hại này.

4. HOẠT ĐỘNG CỦA VUA GIA LONG TRÊN VÙNG BIỂN ĐẢO TÂY NAM (1785-1787)

Sau thất bại thảm hại của liên quân Xiêm - Nguyễn ở Rạch Gầm - Xoài Mút, mùa xuân tháng giêng năm Ất Tỵ (1785), Nguyễn Ánh lại chạy ra đảo Thổ Châu và ở Thổ Châu được 2 tháng thì lại bị quân Tây Sơn tiến ra săn đuổi. Không còn đường nào khác, Nguyễn Ánh chạy sang đảo Cổ Cốt. Tại đây ông lại được thuyền Xiêm đến đón đưa về thành Vọng Các (Bangkok). Đến gặp vua Xiêm, ông đã thẳng thắn tâm bày: “Ngài trọng tình láng giềng giao hảo cho quân sang giúp, nhưng vì Chiêu Tăng, Chiêu Sương kiêu ngạo và phóng túng, tới đâu cũng tàn bạo, dân đều oán cả, cho nên đến nỗi thất bại”⁽²¹⁾. Tuy nhiên tình hình quân Tây Sơn còn đang rất mạnh, Nguyễn Ánh đành phải xin vua Xiêm cho trú lại ở Long Kỳ (Đồng Khoai) ở phía ngoài thành Vọng Các (Bangkok, Thái Lan), rồi sai người đón Quốc mẫu và cung quyến đang ở Thổ Châu về sống tại đây. Tại Long Kỳ, Nguyễn Ánh tranh thủ vận động tập hợp thêm lực lượng và cũng càng ngày càng nhận ra rằng “rốt cuộc họ (vua Xiêm) không thể giúp mình được, túng sử có giúp cũng vô ích”⁽²²⁾, nên vào mùa thu, tháng 7 năm Đinh Mùi (1787), ông bí mật rút về đảo Hòn Tre, đảo Cổ Cốt, rồi sai Võ Di Nguy và Phạm Văn Nhân rước Quốc mẫu và cung quyến về an trí tại đảo Phú Quốc⁽²³⁾. Theo chúng tôi lần này Quốc mẫu và gia đình Hoàng gia vẫn về ở tại cung cũ thuộc địa phận làng Cây Dừa (thôn An Hòa), nay là tổ 7, ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc. Riêng Nguyễn Ánh không về đóng đại bản doanh ở Phú Quốc như các lần trước, mà tiến về đóng tại đảo Hòn Tre (nay là xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang).

Hòn Tre nằm trên đường giao thương quốc tế khá nhộn nhịp, lại gần bờ để có thể dễ dàng huy động lực lượng tấn

công vào đất liền. Trên đảo Hòn Tre có Bãi Chén là nơi còn di tích, truyền thuyết về việc đóng quân và hoạt động của vua Gia Long. Sử chép vào năm 1787 vua Gia Long từ Xiêm trở về có dừng lại ở Hòn Tre một thời gian, như thể di tích và truyền thuyết đang nói về sự kiện này. Bãi Chén là nơi các thuyền buôn bị đắm dạt vào bờ, người dân địa phương thu lượm được rất nhiều đồ gốm sứ cổ. Cách Bãi Chén khoảng 1,5 km là Động Dừa, nơi có làng chài truyền thống lâu đời, ghe thuyền ra vào tấp nập để tiếp tế nước ngọt, lương thực. Đây cũng là cơ sở hậu cần quan trọng cho lực lượng của vua Gia Long trên vùng biển đảo Tây Nam.

Nguyễn Ánh nhân khó khăn và bế tắc của quân Tây Sơn đã huy động cao độ lực lượng, từ Hòn Tre và lấy Hòn Tre làm bàn đạp tiến vào Rạch Giá, Hà Tiên, mở rộng phạm vi chiếm đóng, thu phục toàn bộ vùng đất Gia Định, củng cố hệ thống chính quyền, xây dựng kinh đô, phát triển kinh tế, ổn định xã hội. Gia Định rộng lớn và trù phú được xây dựng thành đất căn bản, thành hậu phương vững chắc cho Nguyễn Ánh tiến quân ra Bắc đánh bại Tây Sơn, lập nên vương triều Nguyễn, hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp thống nhất toàn bộ non sông đất nước Việt Nam vào những năm đầu của thế kỷ XIX.

5. VỊ TRÍ, Ý NGHĨA CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VUA GIA LONG TRÊN VÙNG BIỂN ĐẢO TÂY NAM

Như thế là trong khoảng 10 năm (tính từ năm 1777 đến năm 1787), nghĩa là từ năm 15 tuổi cho đến năm 25 tuổi, Nguyễn Ánh đã có đến 6 lần qua lại ở vùng biển đảo Tây Nam (vào các năm 1777, 1782, 1783, 1784, 1785, 1787). Đặc biệt, trong 4 năm liên tục (từ năm 1782 đến năm 1785), trải qua những trận chiến đấu vô cùng ác liệt và những khó khăn gian khổ vượt quá sức chịu đựng của con người, nhưng Nguyễn Ánh đã vượt qua tất cả và thực sự làm nên kỳ tích của một đời người. Lành tụ Nguyễn Ái Quốc trong bài báo *Lời than thở của bà Trưng Trắc* (Les lamentations de Trưng Trac) đăng trên báo *L'Humanité* của Đảng Cộng sản Pháp số ra ngày 24 tháng 6 năm 1922, trong khi lên án vua Khải Định đã hết lời ca ngợi vua Gia Long, nhất là những năm tháng gian nan và hào hùng tại vùng biển đảo Tây Nam này: “Với lòng quả cảm vô song và đức hạnh trong sáng không tỳ vết, như vàng ròng lấp lánh sau ngàn lần thử lửa, ông tổ người, vua Gia Long tôn quý và tài ba bội phần, sau biết bao thăng trầm và khổ đau vô bờ, đã để lại cho người một đất nước giàu có, một dân tộc độc lập, một quốc gia được kẻ mạnh vị nể và kẻ yếu kính mến, với một tương lai đầy sức sống và triển vọng”.

Vùng biển đảo Tây Nam (quốc tế gọi là vịnh Thái Lan) từ cách ngày nay 3.500 năm đã có lớp cư dân đầu tiên liên quan đến cư dân thời Tiền sử ở duyên hải, hải đảo miền Trung Việt Nam đến sinh sống. Vùng này nằm trên con đường Nam tiến cổ truyền của dân tộc, con đường giao thông, giao thương quen thuộc của người Việt cổ, mà trống đồng Đông Sơn được phát hiện tại đảo Lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang năm 1983 là một minh chứng xác thực. Đến đầu Công nguyên, nơi này chứng kiến sự rút chạy của tàn quân Hai Bà Trưng⁽²⁴⁾, cũng đồng thời là cửa ngõ mở ra với thế giới của nền văn hóa Óc Eo và vương quốc cổ

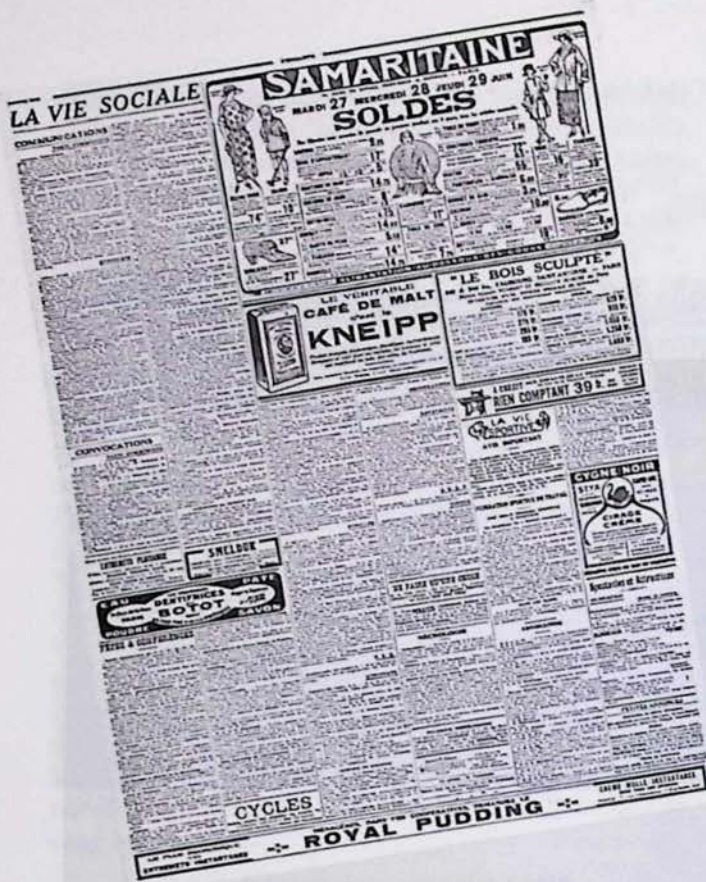


Làng chài Hām Ninh, nơi in dấu hoạt động của vua Gia Long. Ảnh: NQN

Phù Nam. Sự phát triển và suy tàn của đế quốc Phù Nam chủ yếu phụ thuộc vào khả năng khai thác vùng biển đảo quan trọng này. Từ thế kỷ thứ VII, vương quốc Phù Nam sụp đổ, vùng đất này trên danh nghĩa thuộc về vương quốc Chân Lạp, nhưng trong thực tế Chân Lạp không hề quan tâm và cũng không có khả năng chiếm lĩnh, khai thác, nên trở thành hoang hóa và gần như vô chủ suốt cả một thiên niên kỷ. Có thể vì thế mà trên vùng biển đảo Tây Nam hầu như không có dấu tích đáng kể nào của người Khmer định cư lâu dài hay các chứng tích lịch sử - văn hóa đặc trưng của người Khmer trước thế kỷ XVII. Sang thời đại thương mại Biển Đông, người dân Đại Việt đẩy mạnh công cuộc Nam tiến (chủ yếu theo đường ven biển) đã sớm tìm đến định cư, đánh bắt cá và trao đổi hàng hóa ở đây. Cuối thế kỷ XVII, Hà Tiên đột khởi trở thành cảng cửa khẩu trọng yếu, thậm chí còn được gọi là “Hà Tiên quốc”⁽²⁵⁾, “nước Cảng Khẩu”⁽²⁶⁾ hay “nước Cửa Cảng”, tập hợp dân cư từ khắp mọi miền, trong đó số lớn là ngư dân miền Trung và Nam Trung bộ, hình thành nhiều làng Việt đông đúc. Những ngư dân làng Việt trên vùng đất mới này vẫn giữ quan hệ mật thiết với họ hàng, với làng quê gốc và thực chất họ vẫn là thần dân của chúa Nguyễn Đàng Trong. Năm 1680 Mạc Cửu từ Quảng Đông Trung Quốc sang phương Nam, thấy đất này “có người buôn bán ở các nước đến tụ tập, liền chiêu tập dân các xứ Phú Quốc, Hương Úc, Rach Giá, Cà Mau, lập ra 7 xã, ông tự quản hạt để làm chỗ ở”⁽²⁷⁾. Đến đây, trên danh nghĩa các làng Việt ở Hà Tiên đều thuộc về Mạc Cửu. Năm 1708 Mạc Cửu dâng toàn bộ đất Hà Tiên cho chúa Nguyễn Phúc Chu và toàn bộ Hà Tiên (vùng duyên hải cực Nam, biển và hải đảo Tây Nam) đã thuộc chủ quyền của chúa Nguyễn. Trong hoàn cảnh bị Tây Sơn dồn ép đến bước đường cùng, Nguyễn Ánh không còn đường nào khác là chạy ra vùng biển đảo Tây Nam của Tổ quốc, của

tổ tiên, dựa vào dân để bảo toàn tinh mạng, duy trì và phát triển lực lượng, tính kế lâu dài.

Chắc chắn ngay từ buổi đầu đi theo chúa Nguyễn Phúc Thuần vào Nam, Nguyễn Ánh đã ý thức được đầy đủ trách nhiệm cao cả của mình là phải cứu nguy cho triều đình chúa Nguyễn đang đến bước đường cùng. Nhất là từ sau khi chúa Nguyễn Phúc Thuần và chúa Nguyễn Phúc Dương bị Tây Sơn giết hại, chỉ còn một mình Nguyễn Ánh trốn thoát được thì sứ mệnh vô cùng lớn lao này giống như trái núi khổng lồ đặt cả lên đầu một chàng trai mới bước vào tuổi 15. Những năm tháng bôn ba ngoài biển khơi, va đập với sóng dữ đại dương và bão táp cuộc đời, thậm chí nhiều lần đối mặt với cái chết, chàng trai Nguyễn Ánh có thêm cơ hội mài sắc ý chí, nghị lực, dâng hiến toàn bộ tuổi thanh xuân vì sự tồn vong của vương triều và đất nước, vì đối với một vị quân vương, vương triều và đất nước chỉ là một. Nguyễn Ánh đến với vùng biển đảo Tây Nam với tư cách của một người đứng đầu vương triều, đặt cược và phó thác trách nhiệm bảo vệ vương triều, bảo vệ đất nước cho các thần dân của triều đình. Những thường dân, những người đánh cá và buôn bán đã hết lòng chở che cho Nguyễn Ánh, cứu giúp Nguyễn Ánh trong lúc sa cơ, lỡ vận là trực tiếp giúp đỡ triều đình, là tận trung với nước. Phải một mình nặng gánh giang sơn, xã tắc ở cái tuổi còn quá trẻ, mà ở độ tuổi này, ngay đến cả vĩ nhân cũng không thể tất cả các quyết định đều tuyệt đối chuẩn xác. Bản thân Nguyễn Ánh cũng không phải là một ngoại lệ. Ông đã quá sai lầm khi vào bước đường cùng đã đặt cược sự tồn vong của vương triều mình vào ngoại bang, nhưng cũng rất may là các thần dân và nhất là chính kẻ thù của ông là anh em nhà Tây Sơn đã mở mắt cho ông và dạy ông từ bài học vô cùng đau xót này. Những bài học thành công và cả những bài học thất bại trên vùng biển đảo Tây Nam đều là hành trang quý giá



"Lời than thở của bà Trưng Trắc"

(Les lamentations de Trưng Trac), là một truyện ngắn do Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp, đăng trên báo *L'Humanité* của Đảng Cộng sản Pháp số ra ngày 24 tháng 6 năm 1922, trong khi lên án vua Khải Định đã hết lời ca ngợi vua Gia Long. Tạm dịch như sau: "Với lòng quả cảm vô song và đức hạnh trong sáng không tỳ vết, như vàng ròng lấp lánh sau ngàn lần thử lửa, ông tổ người, vua Gia Long tôn quý và tài ba bội phần, sau biết bao thăng trầm và khổ đau vô bờ, đã để lại cho người một đất nước giàu có, một dân tộc độc lập, một quốc gia được kẻ mạnh vị nể và kẻ yếu kính mến, với một tương lai đầy sức sống và triển vọng".

(Nguồn: Tạp chí *Xưa & Nay* số 409 (8/2012), tr.30)

cho Nguyễn Ánh trở lại Gia Định, đánh bại vương triều Tây Sơn đang xuống dốc, tàn tạ, thiết lập vương triều Nguyễn, đặt tên nước Việt Nam, thống nhất toàn bộ non sông đất nước về một mối và mở ra bước phát triển mới của lịch sử đất nước.

Sau khi giành lại được đất Gia Định, với vai trò là bậc quân vương, mang đạo lý "uống nước nhớ nguồn", Nguyễn Ánh vẫn luôn quan tâm, miễn sưu thuế cho những người dân làm ăn, buôn bán và đánh cá trên vùng biển đảo Tây Nam. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: Vào tháng 10 năm Kỷ Dậu (1789), nghĩa là vừa mới tổ chức lại chính quyền sau khi từ Xiêm về nước, Nguyễn Ánh đã ban lệnh "tha thuế thân sang năm cho dân sở Phú Quốc. Vua thấy xứ ấy đất hẹp dân nghèo nên tha cho"⁽²⁸⁾, thể hiện tình yêu thương, gần bó và trách nhiệm đầy đủ đối với người dân vùng biển đảo Tây Nam. Những dấu tích hoạt động của ông đã kết tinh thành di tích, thành truyền thuyết, thành đời sống văn hóa tâm linh, thành các đền miếu quanh năm hương lửa trên khắp vùng biển đảo Tây Nam. Dân Phú Quốc, Thổ Châu, Nam Du, Hòn Tre, hòn Sơn Rái... mang nặng ơn

nghĩa với ông đã tôn ông như bậc cứu tinh, như chủ thần của vùng biển đảo quê mình.

Các lớp cư dân bằng cuộc sống mưu sinh trên vùng biển đảo xa xôi, nhưng vẫn giữ quan hệ nguồn cội với quê hương bản quán chính là những anh hùng đi tiên phong mở cõi và định cõi trong lịch sử dân tộc. Vua Gia Long trong những năm tháng gian nan và khổ khó nhất của cuộc đời đã tìm đến vùng biển đảo Tây Nam, đặt cược toàn bộ mạng sống và sự nghiệp vào lòng trung thành và sự cưu mang, che chở, phù giúp của các thần dân. Hoạt động này của vua Gia Long đã chính thức xác nhận quan hệ vua - tôi, khẳng định một cách tuyệt đối danh nghĩa chủ quyền của quốc gia Đại Việt, của chúa Nguyễn Đàng Trong đối với vùng biển đảo Tây Nam của Tổ quốc. Như thế rõ ràng dấu tích 10 năm nếm mật nằm gai cùng những người dân ấp dân lân ở vùng biển đảo Tây Nam của vua Gia Long đã và sẽ mãi mãi trở thành di sản vô giá, thành những cột mốc chủ quyền thiêng liêng và bất hủ trong lòng nhân dân, trong lòng dân tộc. ■

(Xem tiếp trang 52)

Trong thời gian công tác tại Trung ương, ông bị bệnh, phải ở lại miền Bắc hơn 2 năm, mãi tháng 7 năm 1948 mới trở lại Nam bộ, trực tiếp đảm nhiệm chức Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Nam bộ.

Trang tin chắc chắn đã căn cứ vào những nguồn tư liệu lưu trữ khá tin để công bố những thông tin nêu trên.

KẾT LUẬN

Như một cách nói – “trên thực tế”, Phạm Văn Bạch trở thành người đứng đầu, trở thành Chủ tịch của Chính quyền Nam bộ, của Ủy ban hành chính Nam bộ, của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam bộ – dưới bất cứ tên gọi gì chẳng nữa, cho dù dưới bất cứ hình thức chỉ định nào chẳng nữa: chỉ thị miệng, điện tín, biên bản hội nghị, hay sắc lệnh chính phủ.

Ngay cả khi ông có mặt hay không có mặt trên địa bàn Nam bộ, vai trò đại diện của ông cũng là rất quan trọng. Người Pháp biết ông, chính giới Pháp biết ông, dư luận Pháp biết ông, không phải chỉ sau ngày 25.8.1945 hay 23.9.1945, mà là đã từ nhiều năm trước đó.

Việc chỉ định ông đứng đầu chính quyền Nam bộ chắc chắn là một động thái khôn ngoan và chính xác của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ. ■

Về những hoạt động...

(Tiếp theo trang 10)

CHÚ THÍCH

* GS.TS. NGND, Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

1. *Đại Nam thực lục* (2002), Nxb Giáo dục, Hà Nội, t.1, tr.204.
2. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.205.
3. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.205.
4. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.207.
5. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.208.
6. Nguyễn Hữu Hiệp (2008), “Một số dấu ấn và giai thoại về Nguyễn Ánh trên vùng đất phương Nam”, trong *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Nxb Thế giới, tr.57-81; Lê Công Lý (2008), “Dấu ấn của chúa Nguyễn trên đất Ba Giồng”, trong *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Sđđ, tr.118-124.
7. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.205.
8. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.204.
9. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.213.
10. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.217.
11. *Đại Nam nhất thống chí* (2012), Nxb Lao động, t.2, tr.1784.
12. *Đại Nam nhất thống chí* (2012), Sđđ, t.2, tr.1793.
13. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.217.
14. Sách *Đại Nam thực lục* chép: “Vua bèn đi thuyền khác ra đảo Côn Lôn”, nhưng thực ra Côn Lôn ở rất xa, mà mô tả của sử cũ thì đảo này chỉ nằm ở bên ngoài và không quá xa đảo Phú Quốc. Maybon trong *Histoire modern du pays d'annam* cho rằng đây có thể là đảo Cổ Long (Kok-ron). Phan Khoang trong *Việt sử: Xứ Đàng Trong* cũng đồng ý như thế (xem Phan Khoang (1967), *Việt sử: Xứ Đàng Trong*, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn, tr.647-648). Đặc biệt, sách *Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả* chép rõ ràng đảo này ở bên ngoài đảo Phú Quốc: “Bấy giờ Đô úy Tây Sơn theo đường bộ vào được trấn Hà Tiên, sai ty tướng là Văn Long hầu dẫn thủy quân cưỡi thuyền đuổi theo nhà vua, đến bên ngoài đảo Phú Quốc thì bắt gặp thuyền ngự. thuyền giặc bủa vây kín bốn phía, tinh thể vô cùng bức bách. Thuyền tiên phong của giặc áp sát, dùng câu liềm sắt móc vào phía sau bánh lái thuyền vua. Khi ấy, đang lúc trời trong biển lặng thì bỗng thấy mây mù từ bốn phía ùn ùn kéo đến, sóng biển cuốn cuộn trào dâng, bão lớn nổi lên xô đập thuyền giặc tan

CHÚ THÍCH

1. Chức vụ tương ứng với chức Chủ tịch nước; danh xưng đặc thù tại giai đoạn này sử dụng trong các văn bản chính thức.
2. Tập thể tác giả Viện Sử học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1945-1975)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội 2002.
3. Ban chỉ đạo và Ban biên tập truyền thống Tây Nam bộ, *Tây Nam bộ 30 năm kháng chiến*, xuất bản 12.2000, 946 trang.
4. Ban biên soạn lịch sử Tây Nam bộ kháng chiến, *Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (bộ 3 tập)*, Tập 1 1945-1954, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2010.
5. Đảng uỷ-Bộ tư lệnh Quân khu 7, *Nam bộ với toàn quốc kháng chiến*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2016.
6. Trần Đức Cường (chủ biên), *Vùng đất Nam bộ (bộ 10 tập)*, Tập VI Từ năm 1945 đến năm 2010, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2017.
7. Ông Lê Thiết Hùng được xác định quân hàm thiếu tướng theo Sắc lệnh 185 ngày 24.9.1946 do Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ký.
8. Ông Nguyễn Sơn sau đó được điều làm Cục trưởng Cục quân huấn Bộ quốc phòng theo Sắc lệnh số 10 ngày 30.1.1947 do Chủ tịch Chính phủ Hồ Chí Minh ký.
9. Bao gồm: Phạm Văn Bạch, Phạm Ngọc Thuần, Nguyễn Bình, Trần Bửu Kiếm, Nguyễn Thanh Sơn (tức Nguyễn Văn Tây), Nguyễn Thành Vinh, Kha Vàng Càn, Ung Văn Khiêm, Hoàng Xuân Nhi, Nguyễn Văn Hương, Nguyễn Ngọc Nhật (Nguyễn Ngọc Nhật).
10. “Le coup de force” trong nguyên văn của Pierre l’Hermitte.
11. Ý tác giả: Những đại diện của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam bộ.

tác, nhiều cái bị đánh chìm, chỉ còn khoảng một nửa hoảng hốt tháo chạy. Vua nhờ trận gió cứu mạng giương buồm ruồi thẳng tới đảo Cổ Cúc (Cổ Cốt). Tới nửa đêm các thuyền tùy tùng mới lục tục đến vãn an Hoàng thượng”. (*Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả* (2006), Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.68-69).

15. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.218.
16. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.218. Sách *Gia Định thành thông chí* cũng chép sự kiện này tương tự như trên (Tham khảo Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định thành thông chí*, Nxb Đồng Nai, tr.170).
17. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.219.
18. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.218.
19. Chỗ ở của gia đình Hoàng gia tại Thổ Châu là khu đồn Biên phòng Thổ Châu hiện nay. Dân gian địa phương cho hay là từ đây, gia đình Hoàng gia đã đi thẳng sang Thái Lan sinh sống một thời gian.
20. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.222. Vua Xiêm cũng quát mắng Chiêu Tăng, Chiêu Trương tương tự: “Hai thằng súc sinh Chiêu Tăng, Chiêu Trương kiêu căng hung hãn, vào sâu nơi hiểm yếu trong đất giặc mà không tuân theo mệnh lệnh Quốc vương, tàn hại dân lành để đến nỗi thua trận thảm hại, may phúc mà chạy thoát được, có chết cũng không oan”. (*Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả* (2006), Sđđ, tr.77).
21. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.224.
22. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.228.
23. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.228.
24. Theo nghiên cứu gần đây, tộc người Batak Toba sống ở quanh hồ Toba phía Bắc đảo Sumatra (Indonesia) có mối liên hệ nguồn gốc với người Việt cổ. Truyền thuyết cho rằng, họ là di duệ của những người tàn binh Hai Bà Trưng sau thất bại năm 43 đã chạy xa xuống phương Nam và vượt biển Tây Nam sang nương náu ở vùng hồ Toba thuộc phía Bắc đảo Sumatra.
25. Phương Đình Nguyễn Văn Siêu (1997), *Đại Việt địa dư toàn biên*, tr.299: “Thời quốc sơ, người Quảng Đông nhà Thanh là Trịnh (Mạc) Cửu... thấy đất ấy có khách buôn các nước tụ họp đông, nhân thể chiêu tập những dân siêu tán, lập 7 xã thôn ở Phú Quốc, Hương Úc, Rạch Giá, Cà Mau, tự cai quản lấy, gọi là nước Hà Tiên”.
26. *Thanh triều văn hiến thông khảo*, chữ Hán, Quyển 297, Tứ dư 5, tr.7463.
27. *Đại Nam nhất thống chí* (2012), Nxb Lao động, t.2, tr.1775.
28. *Đại Nam thực lục* (2002), Sđđ, t.1, tr.252.



"Lời than thở của bà Trưng Trắc"

(Les lamentations de Trưng Trac), là một truyện ngắn do Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp, đăng trên báo *L'Humanité* của Đảng Cộng sản Pháp số ra ngày 24 tháng 6 năm 1922, trong khi lên án vua Khải Định đã hết lời ca ngợi vua Gia Long. Tạm dịch như sau: "Với lòng quả cảm vô song và đức hạnh trong sáng không tỳ vết, như vàng ròng lấp lánh sau ngàn lần thử lửa, ông tổ người, vua Gia Long tôn quý và tài ba bội phần, sau biết bao thăng trầm và khổ đau vô bờ, đã để lại cho người một đất nước giàu có, một dân tộc độc lập, một quốc gia được kẻ mạnh vị nể và kẻ yếu kính mến, với một tương lai đầy sức sống và triển vọng".

(Nguồn: Tạp chí *Xưa & Nay* số 409 (8/2012), tr.30)

cho Nguyễn Ánh trở lại Gia Định, đánh bại vương triều Tây Sơn đang xuống dốc, tàn tạ, thiết lập vương triều Nguyễn, đặt tên nước Việt Nam, thống nhất toàn bộ non sông đất nước về một mối và mở ra bước phát triển mới của lịch sử đất nước.

Sau khi giành lại được đất Gia Định, với vai trò là bậc quân vương, mang đạo lý "uống nước nhớ nguồn", Nguyễn Ánh vẫn luôn quan tâm, miễn sưu thuế cho những người dân làm ăn, buôn bán và đánh cá trên vùng biển đảo Tây Nam. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: Vào tháng 10 năm Kỷ Dậu (1789), nghĩa là vừa mới tổ chức lại chính quyền sau khi từ Xiêm về nước, Nguyễn Ánh đã ban lệnh "tha thuế thân sang năm cho dân số Phú Quốc. Vua thấy xứ ấy đất hẹp dân nghèo nên tha cho"⁽²⁸⁾, thể hiện tình yêu thương, gần bó và trách nhiệm đầy đủ đối với người dân vùng biển đảo Tây Nam. Những dấu tích hoạt động của ông đã kết tinh thành di tích, thành truyền thuyết, thành đời sống văn hóa tâm linh, thành các đền miếu quanh năm hương lửa trên khắp vùng biển đảo Tây Nam. Dân Phú Quốc, Thổ Châu, Nam Du, Hòn Tre, hòn Sơn Rái... mang nặng ơn

nghĩa với ông đã tôn ông như bậc cứu tinh, như chủ thần của vùng biển đảo quê mình.

Các lớp cư dân bằng cuộc sống mưu sinh trên vùng biển đảo xa xôi, nhưng vẫn giữ quan hệ nguồn cội với quê hương bản quán chính là những anh hùng đi tiên phong mở cõi và định cõi trong lịch sử dân tộc. Vua Gia Long trong những năm tháng gian nan và khốn khó nhất của cuộc đời đã tìm đến vùng biển đảo Tây Nam, đặt cược toàn bộ mạng sống và sự nghiệp vào lòng trung thành và sự curu mang, che chở, phù giúp của các thần dân. Hoạt động này của vua Gia Long đã chính thức xác nhận quan hệ vua - tôi, khẳng định một cách tuyệt đối danh nghĩa chủ quyền của quốc gia Đại Việt, của chúa Nguyễn Đàng Trong đối với vùng biển đảo Tây Nam của Tổ quốc. Như thế rõ ràng dấu tích 10 năm nếm mật nằm gai cùng những người dân ấp dân lân ở vùng biển đảo Tây Nam của vua Gia Long đã và sẽ mãi mãi trở thành di sản vô giá, thành những cột mốc chủ quyền thiêng liêng và bất hủ trong lòng nhân dân, trong lòng dân tộc. ■

(Xem tiếp trang 52)